

BIỂU CHI TIẾT

Thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh về phân bổ, điều chỉnh các nguồn kinh phí từ sau kỳ họp thường lệ thứ Bảy, đến trước kỳ họp thứ Chín, nhiệm kỳ 2021-2026 HĐND huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ/phê duyệt phương án của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Số đề nghị PB, ĐC tăng, giảm; chuyển nguồn và PA chuyển nguồn kỳ	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ			228.153.006.167	228.153.006.167	
*	NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH 2022			11.060.318.559	11.060.318.559	
I	Phân bổ nguồn tăng lương, tăng biên chế, kinh phí hoạt động phát sinh năm			307.477.800	307.477.800	
1	Hỗ trợ Hội NCT: Kinh phí tập huấn Điều lệ và các chuyên đề về công tác Người cao tuổi	723/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	Hội Người cao tuổi huyện	15.120.000	15.120.000	
2	Hỗ trợ Hội NCT: Kinh phí giao ban cụm thi đua năm 2022	723/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	Hội Người cao tuổi huyện	2.870.000	2.870.000	
3	Kinh phí chi trả cho nhân viên hợp đồng làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện từ tháng 7/2022 đến tháng 12 năm 2022	723/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	Văn phòng HĐND và UBND huyện	30.000.000	30.000.000	
4	Hỗ trợ KBNN kinh phí mua sắm hàng hóa, vật tư văn phòng phục vụ chuyên môn	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	KBNN Yên Thế	20.000.000	20.000.000	
5	Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân kinh phí chi hoạt động phối hợp liên ngành	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Viện kiểm sát Nhân dân	20.000.000	20.000.000	
6	Hỗ trợ Công an huyện kinh phí sửa máy lăn tay căn cước công dân	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Công an huyện	25.000.000	25.000.000	
7	Kinh phí trợ cấp gia đình dân quân binh chủng tập huấn năm 2022; Kinh phí chi trả cho Trung tâm Y tế khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2022 (82 đối tượng phải chỉ định làm một số dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm, siêu âm, chụp X.quang...)	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Ban CHQS huyện	34.387.800	34.387.800	
8	Chi tuyên truyền và đưa, đón Đoàn đại biểu CCB huyện dự Đại hội CCB tỉnh Bắc Giang, nhiệm kỳ 2022-2027	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Hội CCB huyện	12.310.000	12.310.000	
9	Kinh phí chi tiếp khách đoàn Đảng ủy Quân khu I, Tỉnh ủy, 10 huyện ủy, thành ủy và Đảng ủy quân sự 10 huyện, thành phố trong tỉnh về Yên Thế trong chương trình phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Kinh phí các đoàn kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Huyện ủy năm 2022	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBKT Huyện ủy	48.000.000	48.000.000	
10	Kinh phí tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết TW 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Văn phòng Huyện ủy	66.790.000	66.790.000	
11	Kinh phí bổ sung thêm Cuộc thi Dân vận khéo và biểu dương các điển hình hiến đất, ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Ban dân vận Huyện ủy	16.300.000	16.300.000	

A	B	1	2	3	4	5
12	Kinh phí còn thiếu chi bồi dưỡng khám sức khỏe các đồng chí Ủy viên BTV Huyện ủy; Lãnh đạo UBND huyện, các đồng chí nguyên là Ủy viên BTV Huyện ủy	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Ban Tổ chức Huyện ủy	11.700.000	11.700.000	
13	Bổ sung cho Hội Người mù, kinh phí tiền ăn tổng kết công tác hội năm 2022	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Hội Người mù	5.000.000	5.000.000	
II	Phân bổ nguồn kinh phí quốc phòng ngân sách huyện năm 2022			197.730.000	197.730.000	
1	Ban chỉ huy Quân sự huyện			197.730.000	197.730.000	
-	Kinh phí sắp xếp vào lực lượng dự bị động viên	723/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	Ban CHQS huyện	109.120.000	109.120.000	
-	Kinh phí chi bổ sung vật chất khám tuyến nghĩa vụ quân sự	723/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	Ban CHQS huyện	88.610.000	88.610.000	
III	Phân bổ nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022			290.204.000	290.204.000	
1	Bổ sung cho Phòng Tài chính - Kế hoạch kinh phí chi trả các đối tượng tinh giản biên chế năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	290.204.000	290.204.000	
IV	Nguồn ngân sách xã chưa phân bổ năm 2022			126.541.000	126.541.000	
1	Bổ sung cho UBND thị trấn Phồn Xương kinh phí tiền điện chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu, công chào điện tử, khu liên hiệp thể thao...	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND thị trấn Phồn Xương	70.000.000	70.000.000	
2	Bổ sung cho UBND xã Đồng Tâm kinh phí tiền điện chiếu sáng đô thị năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Tâm	27.648.000	27.648.000	
3	Bổ sung cho UBND xã Đồng Lạc chi phí GPMB dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh đoạn từ cầu Bó Hạ đến thị trấn Phồn Xương trên địa bàn xã	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Lạc	10.000.000	10.000.000	
4	Bổ sung cho UBND xã Xuân Lương kinh phí hỗ trợ giải quyết đơn cho hộ bà Dương Thị Dung, bản Làng Dưới	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Xuân Lương	18.893.000	18.893.000	
V	Điều chỉnh, phân bổ vốn Chương trình MTQG			546.200.000	546.200.000	
1	Điều chỉnh kế hoạch vốn dự án 4 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Điều chỉnh nội bộ)			1.200.000	1.200.000	
-	Điều chỉnh giảm: Đào tạo nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo (nghề NN)	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Lao động TB&XH	320.000	320.000	
-	Điều chỉnh giảm: Hỗ trợ tiền ăn và đi lại	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Lao động TB&XH	880.000	880.000	
-	Điều chỉnh tăng: Đào tạo nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo (nghề phi NN)	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Lao động TB&XH	1.200.000	1.200.000	
2	Phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 (nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2022 thường xã về đích NTM)			500.000.000	500.000.000	
-	Mua sắm đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời cho các thôn, bản	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Kỳ	200.000.000	200.000.000	
-	Cứng hóa đường trục thôn Tân Hồng - Tân Kỳ xã Đồng Tâm	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Tâm	56.600.000	56.600.000	
-	Cứng hóa đường trục Liên Cơ - Đề Thám	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Tâm	43.400.000	43.400.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Khu vệ sinh nhà văn hóa xã Đồng Tâm	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Tâm	200.000.000	200.000.000	
3	Điều chỉnh vốn trung hạn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022			45.000.000	45.000.000	
-	Điều chỉnh giảm: Cứng hóa kênh mương bản Đồng Tân, xã Đồng Vương	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Vương	45.000.000	45.000.000	
-	Điều chỉnh tăng: Nhà văn hóa bản Thái Hà, xã Đồng Vương	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Vương	30.000.000	30.000.000	
-	Điều chỉnh tăng: Sân và các công trình phụ trợ bản Trảng Bần	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	UBND xã Đồng Vương	15.000.000	15.000.000	
VI	Thu hồi, phân bổ kinh phí chuyển nguồn tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND huyện			5.745.283.459	5.745.283.459	
1	Điều chỉnh giảm			5.745.283.459	5.745.283.459	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng TN&MT	56.369.000	56.369.000	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng TN&MT	3.766.038.259	3.766.038.259	
-	Xây dựng khu dân cư thôn Hồi xã Phồn Xương	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	45.973.000	45.973.000	
-	Khu dân cư xã Xuân Lương (trụ sở UBND xã Xuân Lương cũ) (7929819)	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	850.000.000	850.000.000	
-	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng TN&MT	800.000.000	800.000.000	
-	Lập Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng TN&MT	100.720.000	100.720.000	
-	Chỉnh trang vỉa hè thị trấn Bồ Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	99.296.000	99.296.000	
-	Xây dựng nhà xử lý rác thải thị trấn Bồ Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	26.887.200	26.887.200	
2	Điều chỉnh tăng			5.745.283.459	5.745.283.459	
-	Xây dựng 03 phòng học; Cải tạo dãy nhà lớp học tạm làm khu hiệu bộ; Cải tạo sân, rãnh thoát nước, tường rào trường mầm non Đồng Tiến, huyện Yên Thế	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	1.000.000.000	1.000.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm)	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ)	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban QLDA đầu tư XD huyện	1.745.283.459	1.745.283.459	
VII	Thu hồi, phân bổ ngân sách huyện (từ nguồn thu hồi hết nhiệm vụ chi năm			887.852.300	887.852.300	
1	Thu hồi về ngân sách huyện kinh phí hết nhiệm vụ chi năm 2022			616.702.300	616.702.300	

A	B	1	2	3	4	5
-	Hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	36.169.300	36.169.300	
-	Hội nghị xúc tiến thương mại	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	124.000.000	124.000.000	
-	Trang trí khuôn viên HU, UBND, MTTQ, các đoàn thể và khu vực biểu tượng gà đồi huyện Yên Thế	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	35.179.000	35.179.000	
-	Chỉnh trang, trang trí thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	52.948.000	52.948.000	
-	Phát triển đèn chiếu sáng công cộng tại các tổ dân phố thị trấn Phồn Xương, thị trấn Bó Hạ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	33.806.000	33.806.000	
-	Chi hoạt động khoa học công nghệ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	30.000.000	30.000.000	
-	Thu hồi về ngân sách huyện kinh phí bổ sung cho Ban Dân vận (tại Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện) khen thưởng các điển hình "Dân vận khéo"	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Ban Dân vận Huyện ủy	33.000.000	33.000.000	
-	Kinh phí thực hiện đề án phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Phòng NN&PTNT	11.600.000	11.600.000	
-	Kinh phí thực hiện phòng, chống dịch bệnh tả lợn Châu phi	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Phòng NN&PTNT	200.000.000	200.000.000	
-	Kinh phí học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình điển hình trong phát triển sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Phòng NN&PTNT	60.000.000	60.000.000	
2	Phân bổ ngân sách huyện từ nguồn hết nhiệm vụ chi thu hồi về ngân sách			271.150.000	271.150.000	
-	Bổ sung cho Công an huyện kinh phí duy trì hệ thống camera an ninh 46 mắt giai đoạn 01	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Công an huyện	214.955.000	214.955.000	
-	Kinh phí tập huấn công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Thanh tra huyện	6.470.000	6.470.000	
-	Kinh phí hỗ trợ các Tổ xác minh đơn năm 2022	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Thanh tra huyện	43.525.000	43.525.000	
-	Kinh phí hỗ trợ các Đoàn thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã trong việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/HU	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Thanh tra huyện	6.200.000	6.200.000	
VIII	Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022			960.000.000	960.000.000	
1	Hỗ trợ các xã Đồng Kỳ đạt chuẩn nông thôn mới	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Kỳ	200.000.000	200.000.000	
2	Hỗ trợ các xã Tam Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Tam Hiệp	200.000.000	200.000.000	
3	Thôn NTM kiểu mẫu			400.000.000	400.000.000	
-	Thôn Hồng Lạc xã Đồng Tâm	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Tâm	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn Lan Thượng xã An Thượng	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã An Thượng	50.000.000	50.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Thôn Non Sáu xã An Thượng	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã An Thượng	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn An Thành xã An Thượng	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã An Thượng	50.000.000	50.000.000	
-	Bản Trại Nhi, xã Hồng Kỳ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Hồng Kỳ	50.000.000	50.000.000	
-	Bản Ven, xã Xuân Lương	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Xuân Lương	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn Hồ Tiến, xã Hương Vĩ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Hương Vĩ	50.000.000	50.000.000	
-	Thôn Đền xã Đồng Lạc	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Lạc	50.000.000	50.000.000	
4	Thôn nông thôn mới			160.000.000	160.000.000	
-	Thôn Vi Sơn, xã Đông Sơn	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đông Sơn	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Đồi Hồng, xã Đông Sơn	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đông Sơn	20.000.000	20.000.000	
-	Bản Ao Tuần, xã Canh Nậu	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Canh Nậu	20.000.000	20.000.000	
-	Bản Trại Vành, xã Đồng Hưu	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Hưu	20.000.000	20.000.000	
-	Bản Cây Vối, xã Đồng Tiến	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Đồng Tiến	20.000.000	20.000.000	
-	Bản Núi Bà, xã Tam Tiến	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Tam Tiến	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Tân Sỏi	20.000.000	20.000.000	
-	Thôn Địa, xã Tân Hiệp	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	UBND xã Tân Hiệp	20.000.000	20.000.000	
IX	Điều chỉnh, thu hồi, phân bổ sự nghiệp giáo dục			1.095.108.000	1.095.108.000	
1	Phân bổ nguồn tăng lương, tăng biên chế sự nghiệp giáo dục năm 2022			959.275.000	959.275.000	
-	Bổ sung cho Trường tiểu học Đồng Tiến, kinh phí trợ cấp lần đầu đối với cán bộ, giáo viên theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Tiểu học Đồng Tiến	14.900.000	14.900.000	
-	Bổ sung cho Trường tiểu học Đồng Tiến, kinh phí trợ cấp một lần đối với cán bộ, giáo viên theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Tiểu học Đồng Tiến	51.269.000	51.269.000	
-	Bổ sung cho các trường kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường TH Tân Sỏi	19.507.000	19.507.000	
-	Bổ sung cho các trường kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường TH TT Phồn Xương	452.538.000	452.538.000	
-	Bổ sung cho các trường kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường TH và THCS Tân Hiệp (bậc THCS)	336.016.000	336.016.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Bổ sung cho Phòng Giáo dục và Đào tạo kinh phí hỗ trợ 50% học phí đào tạo (NS tỉnh hỗ trợ 50% học phí đào tạo) học kỳ I năm 2022 cho giáo viên đi học nâng trình độ chuẩn năm 2022	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo	85.045.000	85.045.000	
2	Thu hồi các khoản kinh phí mua sắm sự nghiệp giáo dục			51.936.000	51.936.000	
-	Kinh phí mua sắm máy vi tính	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường THCS Hương Vĩ	5.436.000	5.436.000	
-	Kinh phí mua sắm bàn ghế	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường THCS Tam Hiệp	46.500.000	46.500.000	
3	Điều chỉnh giảm kinh phí phân bổ cho các trường để phổ sung cho Phòng Giáo dục và Đào tạo kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập năm 2022 theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ			51.000.000	51.000.000	
-	Điều chỉnh giảm kinh phí phân bổ cho Trường MN Tiến Thắng	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Trường MN Tiến Thắng	51.000.000	51.000.000	
-	Điều chỉnh tăng kinh phí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo	744/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo	51.000.000	51.000.000	
4	Thu hồi các khoản kinh phí hỗ trợ sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, TSCĐ thuộc sự nghiệp giáo dục hết nhiệm vụ chi, thu hồi về sự nghiệp giáo dục ngân sách huyện	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Các trường MN, TH, TH&THCS, THCS	32.897.000	32.897.000	
X	Điều chỉnh tăng, giảm dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022			903.922.000	903.922.000	
1	Điều chỉnh giảm			451.961.000	451.961.000	
-	THT dùng nước xã Đồng Hưu	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước xã Đồng Hưu	4.239.000	4.239.000	
-	THT dùng nước xã Hương Vĩ	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước xã Hương Vĩ	27.698.000	27.698.000	
-	THT dùng nước TT Phồn Xương	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước TT Phồn Xương	61.665.000	61.665.000	
-	THT dùng nước xã Tân Sỏi	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước xã Tân Sỏi	125.931.000	125.931.000	
-	THT dùng nước xã An Thượng	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước xã An Thượng	44.818.000	44.818.000	
-	THT dùng nước TT Bồ Hạ	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước TT Bồ Hạ	187.610.000	187.610.000	
2	Điều chỉnh tăng			19.463.000	19.463.000	
-	THT dùng nước xã Đồng Vương	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	THT dùng nước xã Đồng Vương	19.463.000	19.463.000	
3	Kinh phí còn lại thu hồi về ngân sách huyện	748/QĐ-UBND ngày 28/12/2022		432.498.000	432.498.000	
B	NIÊN ĐỘ 2023			217.092.687.608	217.092.687.608	
I	Phân bổ nguồn chi tăng lương, tăng biên chế, kinh phí hoạt động năm 2023			268.378.200	268.378.200	

A	B	1	2	3	4	5
1	Bổ sung cho Văn phòng Huyện ủy kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc đối với ông Trần Hồng Văn theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	Văn phòng Huyện ủy	3.699.000	3.699.000	
2	kiến hỗ trợ Công an huyện kinh phí tổ chức Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình phối hợp số 09/Ctr-BCA-MTTW giữa Bộ Công an với Ban TT Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên về “Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”		Công an huyện	7.260.000	7.260.000	
3	Dự kiến bổ sung Trung tâm Dịch vụ KTNN kinh phí lắp đặt điều hòa, mua tủ bảo quản vắc xin		Trung tâm dịch vụ KTNN huyện	111.970.000	111.970.000	
4	Dự kiến hỗ trợ kinh phí phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023		Các Trường THPT: Yên Thế, Bồ Hạ và Mỏ Trang	39.900.000	39.900.000	
5	Dự kiến bổ sung cho Văn phòng HĐND&UBND huyện kinh phí triển khai Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa huyện		Văn phòng HĐND và UBND huyện	105.549.200	105.549.200	
II	Phân bổ kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế năm 2023			2.501.703.700	2.501.703.700	
1	Bổ sung cho Trung tâm văn hóa - Thông tin và Thể thao kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế 16/3/2023 (từ nguồn dự toán SNVH-TDĐT ngân sách huyện giao đầu năm 2023)	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	1.800.000.000	1.800.000.000	
2	Bổ sung cho Trung tâm văn hóa - Thông tin và Thể thao kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế 16/3/2023 (Từ nguồn tiết kiệm chi QLHC, các sự nghiệp còn lại ngân sách huyện năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023)	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	701.703.700	701.703.700	
III	Nguồn ngân sách chưa phân bổ			128.771.000	128.771.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Đồng Kỳ tổ chức Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	UBND xã Đồng Kỳ	50.000.000	50.000.000	
2	Hỗ trợ UBND xã Tam Hiệp tổ chức Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	UBND xã Tam Hiệp	50.000.000	50.000.000	
3	Hỗ trợ UBND xã Tam Tiến kinh phí chi trả GPMB đối với hộ gia đình ông Vi Văn Thái, bản Chàm, xã Tam Tiến	212/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	UBND xã Tam Tiến	28.771.000	28.771.000	
IV	Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2023			204.426.734	204.426.734	
1	Kinh phí thanh toán chi phí điều trị người bệnh nhiễm Covid-19 (từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022)		Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	81.646.354	81.646.354	
2	Kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ y tế tại khu điều trị covid 19 tại Trung tâm y tế tháng 10, 11/2022		Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	41.380.380	41.380.380	
3	Bổ sung đồng thời thu hồi kinh phí đã tạm cấp thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giao dịch mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19		Phòng Giáo dục và Đào tạo	81.400.000	81.400.000	
V	Chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023			213.989.407.974	213.989.407.974	(188.740.000)
1	Kinh phí năm 2022 được phép chuyển nguồn sang năm 2023 theo quy định			26.456.604.035	26.456.604.035	
1.1	Số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định			13.587.398.000	13.587.398.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	XD đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 292 huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	460.045.000	460.045.000	
-	Xây dựng 10 phòng học trường THCS Đông Sơn	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	35.000.000	35.000.000	
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	39.000.000	39.000.000	
-	Trường THCS thị trấn Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.739.872.000	4.739.872.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + Phòng chức năng + Sân, cổng, tường rào Trường THCS Đồng Hưu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.260.826.000	2.260.826.000	
-	CT, NC đường vòng tránh UBND huyện (đoạn từ cổng UBND huyện đi Tòa án)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	75.683.000	75.683.000	
-	Điểm dân cư thôn Tân An, xã An Thượng (giai đoạn 1)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	218.974.000	218.974.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	900.000.000	900.000.000	
-	Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.913.385.000	2.913.385.000	
-	Khu dân cư trung tâm xã Đồng Vương, huyện Yên Thế (giai đoạn 1)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.764.613.000	1.764.613.000	
-	Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	180.000.000	180.000.000	
1.2	<i>Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, Bảo trợ xã hội - Nguồn 17</i>			2.306.052.700	2.306.052.700	
-	Kinh phí bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP (Bảo trợ xã hội, Ngân sách tỉnh - Nguồn 17)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Lao động TB&XH	2.306.052.700	2.306.052.700	
1.3	<i>Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi - nguồn 13</i>			778.477.335	778.477.335	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Văn phòng HĐND&UBND huyện	540.400	540.400	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng VH&TT	13.668.100	13.668.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Huyện đoàn	1.100	1.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Hội CCB	311.100	311.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Trung tâm Chính trị huyện	22.600	22.600	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng NN&PTNT	36.000.000	36.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng GD&ĐT	31.715.200	31.715.200	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng KT&HT	4.021.200	4.021.200	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non xã Đồng Vương	14.889.400	14.889.400	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non xã Tiến Thắng	2.256.000	2.256.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non Tân Hiệp	21.898.500	21.898.500	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non Đồng Lạc	14.377.000	14.377.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non An Thượng	12.362.100	12.362.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non TT Bồ Hạ	80.267.500	80.267.500	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Mầm non Đồng Kỳ	101.912.200	101.912.200	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Đồng Tiến	30.551.201	30.551.201	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Hương Vĩ	5.440.000	5.440.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Đồng Kỳ	13.928.100	13.928.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Đồng Lạc	4.753.700	4.753.700	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Đồng Vương	6.768.900	6.768.900	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Tam Tiến	15.728.290	15.728.290	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Tiến Thắng	8.000.000	8.000.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Đông Sơn	15.659.100	15.659.100	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Tiểu học Xuân Lương	10.519.400	10.519.400	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Tân Sỏi	164.998.714	164.998.714	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Đồng Kỳ	3.229.500	3.229.500	

A	B	1	2	3	4	5
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS TT Bồ Hạ	17.711.500	17.711.500	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Tam Hiệp	3.500.000	3.500.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Tiên Thắng	3.921.300	3.921.300	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Xuân Lương	67.684.600	67.684.600	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	PT Dân tộc nội trú Yên Thế	38.606.000	38.606.000	
-	Kinh phí tự chủ nguồn 13	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	THCS Tam Tiến	33.234.630	33.234.630	
1.4	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc - nguồn 15			4.707.012.000	4.707.012.000	
-	Kinh phí thực hiện Đề án 257/ĐA-UBND ngày 08/09/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh (giai đoạn 2)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	844.768.000	844.768.000	
-	Kinh phí sửa chữa Phòng họp hội trường tầng 3	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	100.000.000	100.000.000	
-	KP thực hiện đề án "Hội Nông dân là nòng cốt trong tổ chức SXNN theo hướng Hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, xây dựng và nâng cao chất lượng SP Ocop giai đoạn 2022-2025 năm 2022"	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Huyện đoàn	9.350.000	9.350.000	
-	CTMTQG XD NTM Triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Nông nghiệp và PTNT	45.597.000	45.597.000	
-	CTMTQG XD NTM Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Nông nghiệp và PTNT	66.312.000	66.312.000	
-	Sự nghiệp giáo dục			3.640.985.000	3.640.985.000	
+	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị phục vụ dạy và học (Bậc MN)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	181.200.000	181.200.000	
+	SNGD công trình tường rào trường TH TT PX (khu B)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	400.000.000	400.000.000	
+	Chi chế độ HS, GV trường MN theo NQ 23: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập là con công nhân, người lao động làm việc tại Khu, Cụm CN	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	21.600.000	21.600.000	
+	Bổ sung cho Phòng Giáo dục và Đào tạo kinh phí hỗ trợ 50% học phí đào tạo (NS tỉnh hỗ trợ 50% học phí đào tạo) học kỳ I năm 2022 cho giáo viên đi học nâng trình độ chuẩn năm 2022 theo Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 12/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang (GV bậc TH)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	69.099.000	69.099.000	

A	B	1	2	3	4	5
+	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị phục vụ dạy và học (Bậc TH)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	693.190.000	693.190.000	
+	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị phục vụ dạy và học (Bậc THCS)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.259.950.000	2.259.950.000	
+	Bổ sung cho Phòng Giáo dục và Đào tạo kinh phí hỗ trợ 50% học phí đào tạo (NS tỉnh hỗ trợ 50% học phí đào tạo) học kỳ I năm 2022 cho giáo viên đi học nâng trình độ chuẩn năm 2022 theo Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 12/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang (GV bậc THCS)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15.946.000	15.946.000	
1.5	Kinh phí không tự chủ mua sắm tài sản hợp đồng ký trước 31/12/2022			2.000.000.000	2.000.000.000	
-	Sự nghiệp giáo dục			2.000.000.000	2.000.000.000	
+	Gói mua sắm, lắp đặt camera (bậc MN)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	381.000.000	381.000.000	
+	Gói mua sắm, lắp đặt camera (bậc TH)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	381.000.000	381.000.000	
+	Gói mua sắm, lắp đặt camera (bậc THCS)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.238.000.000	1.238.000.000	
1.6	Các khoản cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn sự nghiệp của ngân sách trung ương trong nước năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia 2022			3.077.664.000	3.077.664.000	
-	CTMTQG Phát Triển Kinh Tế- Xã Hội Vùng Đồng Bào Dân Tộc Thiểu Số Và Miền Núi Năm 2022			372.161.000	372.161.000	
+	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Yên Thế (Tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể (huyện Yên Thế))	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Văn hóa và TT	119.000	119.000	
+	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em- Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Hội Phụ nữ	316.000.000	316.000.000	
+	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em-Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Y tế	2.331.000	2.331.000	
+	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em-Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Y tế	1.633.000	1.633.000	
+	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tiểu dự án 3: Tuyên truyền phổ biến pháp luật, hỗ trợ đào tạo sơ cấp và chương trình đào tạo dưới 3 tháng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng LĐ-TB&XH	8.115.000	8.115.000	

A	B	1	2	3	4	5
+	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình-Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào-Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Dân tộc	19.000.000	19.000.000	
+	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn-Nội dung 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Dân tộc	963.000	963.000	
+	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình-Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình-Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Dân tộc	24.000.000	24.000.000	
-	CTMTQG giảm nghèo bền vững	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		2.705.503.000	2.705.503.000	
+	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững-Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn-	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng LĐ-TB&XH	11.450.000	11.450.000	
+	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng LĐ-TB&XH	160.053.000	160.053.000	
+	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 (Hỗ trợ PTSX - Đa dạng hóa sinh kế - Hỗ trợ mô hình bò cái sinh sản)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Nông nghiệp và PTNT	240.000.000	240.000.000	
+	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1)-Dự án nuôi bò sinh sản	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Nông nghiệp và PTNT	587.000.000	587.000.000	
+	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 (Nhân rộng mô hình giảm nghèo-Hỗ trợ mô hình bò cái sinh sản)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng LĐ-TB&XH	350.000.000	350.000.000	
+	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo -Dự án nuôi bò sinh sản	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng LĐ-TB&XH	1.357.000.000	1.357.000.000	
2	Phương án Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023			187.532.803.939	187.532.803.939	
2.1	Chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương			89.625.391.658	89.625.391.658	
-	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở năm 2021 chuyển sang,	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		31.287.081.418	31.287.081.418	
-	70% tăng thu các khoản khác năm 2022 để thực hiện cải cách tiền lương (không tính tăng thu tiền sử dụng đất)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		47.043.500.000	47.043.500.000	
-	Tiết kiệm chi thường xuyên 11.294.810.240 đồng (Tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục 10.485.939.100 đồng, Tiết kiệm chi QLHC 10% chi thường xuyên đầu năm để thực hiện CCTL 787.900.000 đồng; tiết kiệm chi QLHC còn lại 209.711.140 đồng)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		11.294.810.240	11.294.810.240	
2.2	Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023, nộp trả ngân sách cấp trên			10.982.272.250	10.982.272.250	
-	Thu tiền sử dụng đất 2021 chuyển sang nộp trả ngân sách cấp trên	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		2.349.527.500	2.349.527.500	

A	B	1	2	3	4	5
+	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 292 huyện Yên Thế (7938735)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	2.349.527.500	2.349.527.500	
-	Kinh phí sự nghiệp giáo dục nộp trả ngân sách cấp trên	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		3.334.565.000	3.334.565.000	
+	Chi chế độ HS, GV trường MN theo NQ 23: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập là con công nhân, người lao động làm việc tại Khu, Cụm CN	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	360.000	360.000	
+	Tiền ăn trưa + hỗ trợ nấu ăn cho trẻ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	1.707.880.000	1.707.880.000	
+	Tiền hỗ trợ học sinh bán trú theo ND 116	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	934.165.000	934.165.000	
+	HS khuyết tật theo TT 42	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	451.304.000	451.304.000	
+	Chế độ HS nội trú còn thừa	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	240.856.000	240.856.000	
-	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	494.049.000	494.049.000	
-	Kinh phí phát triển đất trồng lúa nộp trả NS cấp trên	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		2.440.579.000	2.440.579.000	
+	Kinh phí phát triển đất trồng lúa hỗ trợ thực hiện thủy lợi, kênh mương, hồ đập, trạm bơm - Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông thôn (Cải tạo, nâng cấp Hồ Đồng Nhân 141,446 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm thôn Đồng Quán 22,409 triệu đồng; Cải tạo, sửa chữa hồ Ông Lục 37,712 triệu đồng; Nâng cấp, nạo vét Kè đập dâng thôn Tân Mai (khu Cầu Đen) 600 triệu đồng; Cải tạo, sửa chữa trạm bơm Đồng Khách (cũ) 16,772 triệu đồng;	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	818.339.000	818.339.000	
+	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (Kinh phí thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	1.622.240.000	1.622.240.000	
-	Rác thải theo NQ 06	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	1.342.403.350	1.342.403.350	
-	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	432.498.000	432.498.000	
-	Kinh phí mua BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	588.650.400	588.650.400	
2.3	Chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023			86.925.140.031	86.925.140.031	
2.3.1	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022			4.446.000.000	4.446.000.000	
-	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	4.446.000.000	4.446.000.000	
2.3.2	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Luật NSNN			82.479.140.031	82.479.140.031	
a	Các khoản tăng thu			39.417.462.000	39.417.462.000	

A	B	1	2	3	4	5
*	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022			39.417.462.000	39.417.462.000	
-	Các dự án do huyện quản lý			36.317.462.000	36.317.462.000	
+	Khu dân cư mới xã Đồng Kỳ (giai đoạn 1)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	5.000.000.000	5.000.000.000	
+	Trạm y tế thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế; HM: Giải phóng mặt bằng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	1.300.000.000	1.300.000.000	
+	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Tài nguyên và MT	1.450.000.000	1.450.000.000	
+	Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bản Chàm đi trung tâm xã Tam Tiến)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	500.000.000	
+	Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	882.156.000	882.156.000	
+	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm) 3km	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
+	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.205.158.000	3.205.158.000	
+	Xây dựng 03 phòng học; Cải tạo dãy nhà lớp học tạm làm khu hiệu bộ; Cải tạo sân, rãnh thoát nước, tường rào trường mầm non Đồng Tiến, huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.000.000.000	1.000.000.000	
+	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	800.000.000	800.000.000	
+	Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.000.000.000	3.000.000.000	
+	Lắp dựng lan can bảo vệ, trang trí hồ sinh thái, hồ xối vật khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám; xây mương thoát nước sau hồ sinh thái; sau điện lực Yên Thế, thị trấn Phồn Xương	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.500.000.000	2.500.000.000	
+	Nâng cấp mương tưới nước từ hồ Chín Suối đi Gia Bình; tuyến từ hồ Chín Suối đi cánh đồng Trại Mới thuộc thôn Trại Mới xã Đồng Hưu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	500.000.000	
+	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.180.148.000	2.180.148.000	
+	Phân bổ cho các dự án khu dân cư dự kiến khởi công mới năm 2023			12.500.000.000	12.500.000.000	
	<i>Các dự án khu dân cư dự kiến khởi công mới năm 2023</i>	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	<i>Ngân sách huyện</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>	
	<i>Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những diềm khởi nghĩa Yên Thế; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế</i>	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	<i>Ban QLDA ĐTXD huyện</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	
-	Hỗ trợ ngân sách xã thực hiện đầu tư (Các dự án khởi công mới năm 2023)			3.100.000.000	3.100.000.000	
+	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Tân Sỏi; Hạng mục: Công + Trụ sở	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	<i>UBND xã Tân Sỏi</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>	
+	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tiến Thắng, dài 520m	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	<i>UBND xã Tiến Thắng</i>	<i>850.000.000</i>	<i>850.000.000</i>	
+	Xây dựng ngầm Ba Chòi đi xã Canh Nậu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	<i>UBND xã Đồng Tiến</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>	

A	B	1	2	3	4	5
b	30% tăng thu các khoản khác năm 2022 (không tính tăng thu tiền sử dụng đất)			20.161.500.000	20.161.500.000	
*	Trả nợ đọng XDCB			20.161.500.000	20.161.500.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh từ ĐT 292 nối với ĐT 242	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000.000.000	2.000.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp - Phồn Xương (đoạn từ QL17 thị trấn Phồn Xương đi ngã ba thôn Đông Tâm xã Tân Hiệp)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	700.000.000	700.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đông Lạc đi thị trấn Phồn Xương (đoạn Cầu Gián đi khu dân cư trung tâm thị trấn Phồn Xương) và xã Đông Sơn (đoạn từ UBND xã đi Cầu Mía, huyện Lạng Giang)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	36.619.000	36.619.000	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 3 xây dựng Sân vận động)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	247.585.000	247.585.000	
-	Cải tạo, lát vỉa hè thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế (tuyến 4).	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	800.000.000	800.000.000	
-	Cải tạo lát vỉa hè thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (tuyến 3)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	288.003.000	288.003.000	
-	Lát vỉa hè thị trấn Bồ Hạ (giai đoạn 2)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Sửa chữa phòng họp phòng Giáo dục	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	140.260.000	140.260.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, công, tường rào, mương thoát nước trường THCS Đông Sơn	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.586.973.000	4.586.973.000	
-	Xây dựng 8 phòng học, phòng chức năng trường THCS Hương Vĩ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	587.236.000	587.236.000	
-	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Hương Vĩ; nhà vệ sinh	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	393.575.000	393.575.000	
-	Xây dựng 08 phòng học + phụ trợ trường mầm non Tam Tiến	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Cải tạo, sửa chữa pano tuyên truyền trên địa bàn huyện	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		500.000.000	500.000.000	
-	Xây dựng 8 phòng học trường mầm non Đông Lạc	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng các xã Hương Vĩ, Tam Hiệp, Đông Kỳ, Canh Nậu và thị trấn Phồn Xương	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.484.168.000	1.484.168.000	
-	Cải tạo, sửa chữa đập ông Ồn	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	200.000.000	200.000.000	
-	Đường nội đồng thôn Hồ Tiễn (đoạn từ cổng nhà ông Hồng đi cổng nhà ông Trường và ông Trung) xã Hương Vĩ dài 600m; đoạn xứ đồng khu mẫu bẫy xã Đông Sơn dài 800m; thôn Trại Cọ (đoạn từ nhà bà Lý đi ông Nhâm) xã Tam Tam Hiện dài 150m	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	450.000.000	450.000.000	
-	Nâng cấp mương Cấp 2 (Tuyến giáp Kênh Đông - kênh trạm bơm Trại Nhi) - xứ đồng Đầu Trâu xã Hồng Kỳ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	300.000.000	300.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Mương nội đồng từ cửa nhà văn hóa thôn Ngò 1 đi đồng con Nhạn thôn Ngò 2 - xứ đồng con Nhạn, xã Đồng Kỳ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	200.000.000	200.000.000	
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Hoàng Long - xứ đồng Đồi Tròn xã Tân Hiệp	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	250.000.000	250.000.000	
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Am - xứ đồng Thổ Kỳ, xã Tân Hiệp	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	280.000.000	280.000.000	
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Đồng Tâm, Đồng Gia - xứ đồng Đồng Cửa, xã Tân Hiệp	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	380.000.000	380.000.000	
-	Đường nội đồng thôn Tân Gia - xứ đồng Hồ Cụt, xã Tân Hiệp	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	350.000.000	350.000.000	
-	Mương nội đồng thôn Tiến Trung - xứ đồng Năm Tấn, xã Tiến Thắng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	400.000.000	400.000.000	
-	Mương nội đồng thôn Hồ Luông - xứ đồng Ông Tình, xã Tiến Thắng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	190.000.000	190.000.000	
-	Kênh tưới xứ đồng cửa làng bản Thia xã Canh Nậu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	350.000.000	350.000.000	
-	Đường giao thông xứ đồng Trại Cà bản Đồng Cả, xã Canh Nậu	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	400.000.000	400.000.000	
-	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện Kết luận thanh tra số 4067/KL-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng TNMT	91.262.000	91.262.000	
-	Cắm mốc giới theo quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị số 1 thị trấn Phồn Xương, quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư thôn Trại Chuối, xã Đồng Kỳ, quy hoạch di tích lịch sử quốc gia, khu di tích lịch sử và khu đền kỷ đồng, động thiên thai xã Hồng Kỳ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	55.819.000	55.819.000	
c	Phân bổ nguồn thu Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại			2.984.178.000	2.984.178.000	
	Kinh phí vận hành xe phun nước rửa đường (350 triệu đồng); Xăng dầu xe 98A 007.43 (50 triệu đồng)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		400.000.000	400.000.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đông Sơn, huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		2.584.178.000	2.584.178.000	
d	Thu tiền sử dụng đất năm 2022 thu hồi về ngân sách huyện lập phương án phân bổ			8.020.809.330	8.020.809.330	
-	Khu xử lý rác thải xã Xuân Lương, huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	227.767.000	227.767.000	
-	Đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Tam Tiến	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Tài nguyên và MT	1.825.874.000	1.825.874.000	
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Tài nguyên và MT	522.666.330	522.666.330	
-	Đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thị trấn Phồn Xương	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Tài nguyên và MT	1.403.849.000	1.403.849.000	
-	Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử HHT	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	783.020.000	783.020.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Trường THCS TT Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.159.369.000	1.159.369.000	
-	Trường mầm non Tam Tiến; Hạng mục: Tường rào, lát sân, nhà để xe, nhà bảo vệ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	300.000.000	300.000.000	
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng và các hạng mục phụ trợ	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.298.264.000	1.298.264.000	
-	Xây dựng trường THCS Đồng Sơn; Hạng mục: Lát sân, nhà để xe	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	500.000.000	
đ	Tồn dư toán NS huyện chưa phân bổ để thực hiện CCTL			357.600.000	357.600.000	
-	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 61/2021/NQ-HĐND tỉnh Bắc Giang	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023		357.600.000	357.600.000	
e	Phân bổ thực hiện các nhiệm vụ			1.662.883.000	1.662.883.000	
-	Kinh phí tổ chức Cuộc thi sáng tạo TTN, nhi đồng năm 2023	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng GD&ĐT	38.650.000	38.650.000	
-	Phân bổ lại cho Phòng GD&ĐT kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học (MN)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng GD&ĐT	437.192.000	437.192.000	
-	Phân bổ lại cho Phòng GD&ĐT kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học (TH)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng GD&ĐT	36.000.000	36.000.000	
-	Phân bổ lại cho Phòng GD&ĐT mua sắm trang thiết bị dạy học (THCS)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng GD&ĐT	1.151.041.000	1.151.041.000	
f	Lập phương án phân bổ các khoản tồn dư toán NS huyện			7.786.464.621	7.786.464.621	
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2023	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Văn hóa và TT	3.000.000.000	3.000.000.000	
-	Kinh phí triển khai hệ thống Camera giám sát tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Văn phòng HĐND & UBND huyện	800.000.000	800.000.000	
-	Đầu tư lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Yên Thế (giai đoạn 2).	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	534.232.540	534.232.540	
-	Sửa chữa khu xử lý rác thải sinh hoạt xã An Thượng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	350.000.000	350.000.000	
-	Bổ sung cho Công an huyện kinh phí mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất do chuyên trụ sở làm việc	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Công an huyện	500.000.000	500.000.000	
-	Hỗ trợ kinh phí XD đền thờ Anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám và bài trí nội thất, đồ thờ Đình ba tầng mái	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	UBND huyện	50.000.000	50.000.000	
-	Hỗ trợ UBND xã Tân Sỏi kinh phí mua bàn gỗ cho nhà văn hóa các thôn Cầu, thôn Sỏi, thôn Phú Bản, thôn Chiềng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	UBND xã Tân Sỏi	25.000.000	25.000.000	
-	Hỗ trợ UBND xã Canh Nậu kinh phí mua loa đài cho nhà văn hóa bản Đổng Cao	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	UBND xã Canh Nậu	25.000.000	25.000.000	
-	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Bồ Hạ và vùng phụ cận, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện	300.000.000	300.000.000	

A	B	1	2	3	4	5
-	Hỗ trợ UBND xã, thị trấn trả nợ đọng XDCCB	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ngân sách huyện	2.202.232.081	2.202.232.081	
g	Lập phương án phân bổ các khoản tồn quỹ tại đơn vị			2.088.243.080	2.088.243.080	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Cầu Gò (nay là thị trấn Phồn Xương) đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	47.200.000	47.200.000	
-	Kinh phí phục vụ cho việc vận chuyển, hủy nổ vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh tại xã Đông Sơn	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	15.916.000	15.916.000	
-	Dịch chuyển điện chiếu sáng QL 17 phục vụ thi công (trả nợ đọng XDCCB)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	215.549.980	215.549.980	
-	Xây dựng thoát nước thải khu vực phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	65.000.000	65.000.000	
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng đô thị	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện	150.000.000	150.000.000	
-	Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế 16/3/2023	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Trung tâm VH&TT-TT	701.703.700	701.703.700	
-	Bổ sung kinh phí mua máy tính, máy in và các thiết bị CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số (Kinh phí thực hiện năm 2022)	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Phòng Văn hóa và TT	812.673.400	812.673.400	
-	Bổ sung cho Công an huyện kinh phí mua phục vụ triển khai, thực hiện đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn năm 2030 (Đề án 06/CP) 13.500.000 đồng; kinh phí mua máy tính, máy in, máy scan triển khai phần mềm quản lý nhà trọ 28.900.000 đồng	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Công an huyện	42.400.000	42.400.000	
-	Kinh phí mua máy tính, máy in thực hiện nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn huyện	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Văn phòng HĐND&UBND huyện	18.900.000	18.900.000	
-	Văn phòng Huyện ủy kinh phí mua máy tính, máy in thực hiện nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn huyện	202/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Văn phòng Huyện ủy	18.900.000	18.900.000	